**Mẫu số 09:** *Ban hành kèm theo Phụ lục II của**Nghị định số 29/2019/NĐ-CP ngày 20 tháng 03 năm 2019 của Chính phủ*

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN DOANH NGHIỆP -------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** |
|  | *………, ngày …… tháng …… năm ………* |

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CHO THUÊ LẠI LAO ĐỘNG**

Kính gửi:

- UBND tỉnh...

- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh...

..(1)..Báo cáo tình hình hoạt động cho thuê lại lao động 6 tháng đầu năm (hoặc năm....) như sau:

Loại hình chủ sở hữu: (2) □ Doanh nghiệp nhà nước □ Doanh nghiệp tư nhân □ Doanh nghiệp FDI

**1. Tình hình sử dụng lao động của doanh nghiệp cho thuê lại lao động**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chỉ tiêu** | **Số lao động đầu kỳ (người)** | **Tăng trong kỳ (người)** | **Giảm trong kỳ (người)** | **Số lao động cuối kỳ (người)** | **Số lao động tham gia bảo hiểm bắt buộc (người) (3)** | **Ghi chú** |
| I | II | III | IV | V | VI | VII |
| **Tổng số lao động theo hợp đồng lao động của doanh nghiệp, trong đó:** |  |  |  |  |  |  |
| **1. Số lao động đang làm việc tại doanh nghiệp cho thuê, chia ra:** |  |  |  |  |  |  |
| - Số lao động có HĐLĐ không xác định thời hạn |  |  |  |  |  |  |
| - Số lao động có HĐLĐ từ đủ 12 tháng đến 36 tháng |  |  |  |  |  |  |
| - Số lao động có HĐLĐ dưới 12 tháng |  |  |  |  |  |  |
| **2. Số lao động cho thuê lại, chia ra:** |  |  |  |  |  |  |
| - Thời hạn cho thuê lại dưới 03 tháng |  |  |  |  |  |  |
| - Thời hạn cho thuê lại từ 03 tháng đến dưới 06 tháng |  |  |  |  |  |  |
| - Thời hạn cho thuê lại từ 06 tháng đến 12 tháng |  |  |  |  |  |  |

**2. Tình hình hoạt động cho thuê lại lao động**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Công việc cho thuê lại (4)** | **Số lượng bên thuê lại lao động (5)** | **Số lao động thuê lại (người)** | **Thời hạn cho thuê lại lao động bình quân (tháng)** | | | | **Các chế độ của người lao động thuê lại** | | | **Ghi chú** |  |  |  |
| **Tiền lương bình quân**  **(đồng/người/tháng)** | **Thu nhập bình quân**  **(đồng/người/tháng)** | **Chế độ phúc lợi (6)** |  |  |  |
| **Dưới 3 tháng** | **Từ 3 - dưới 6 tháng** | **Từ 6 - 12 tháng** | **Khác** |  |  |  |  |  |  |  |
| I | II | III | IV | V | VI | VII | VIII | IX | X | XI | XII |  |  |  |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
|  | **ĐẠI DIỆN CỦA DOANH NGHIỆP(7)** *(Ký tên và đóng dấu)* |

***Ghi chú:***

(1) Tên doanh nghiệp thực hiện báo cáo.

(2) Đánh dấu x vào ô tương ứng với loại hình chủ sở hữu của doanh nghiệp thực hiện báo cáo.

(3) Số lao động được tham gia bảo hiểm bắt buộc: bảo hiểm xã hội; bảo hiểm y tế; bảo hiểm thất nghiệp; bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.

(4) Liệt kê công việc cho thuê lại lao động.

(5) Số lượng doanh nghiệp thuê lại lao động để thực hiện công việc đã liệt kê tại cột II.

(6) Tên các loại phúc lợi mà người lao động thuê lại được hưởng, ví dụ: bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm tự nguyện, tiền lễ, tết, thăm hỏi ốm đau, hiếu hỉ, các loại dịch vụ người lao động thuê lại được hưởng……

(7) Chức danh người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp ghi tại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.